TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27 /2023/HNGĐ-ST Ngày: 08 – 02 - 2023 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Đ Tấn Phước.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 510/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 877/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 19, ấp VH, xã VH Đ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 19, ấp VH, xã VH Đ, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 29/11/2022 của bà Nguyễn Thị Thùy D; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đ tự tìm hiểu, quen biết và chung sống như vợ chồng vào năm 1996, không có tổ chức lễ cưới nhưng có ra mắt gia đình họ hàng hai bên, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH Đ vào năm 2003 (theo Bản

chính Giấy chứng nhận kết hôn số 564/NDD77, quyển số 03 ngày 10/11/2003). Quá trình chung sống, thời gian đầu bà D và ông Đ chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ tình cảm bên ngoài, bà D cố gắng khuyên can và gia đình vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2019 thì ông Đ tiếp tục có quan hệ tình cảm bên ngoài, nhiều lần bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác. Từ đó, bà D và ông Đ sống ly thân, không hàn gắn tình cảm. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên: 1/Nguyễn Minh N, sinh ngày 17/4/1997; 2/ Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 13/10/1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 16/12/2022 nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ, ông Đ cũng không cung cấp bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ngày 15/12/2022, bà D có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà D giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn số 564/NDD77, quyển số 03 ngày 10/11/2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã VH Đ, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Minh N; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc O; bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy D; bản photo Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Đ.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 16/12/2022 tại Công an xã VH Đ, huyện AP; biên bản xác minh ngày 21/12/2022 tại Ban ấp VH Đ, huyện AP; bản tự khai người làm chứng ngày 20/12/2022 của ông Nguyễn Minh N kèm theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh N.

Tại phiên tòa, do bà D và ông Đ cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản xác minh ngày 16/12/2022, đại diện Công an xã VH Đ, huyện AP cho biết: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Ấp VH, xã VH Đ, huyện AP, tỉnh An Giang. Ông Đ đang đi làm ăn xa, nhưng người thân của ông Đ thường xuyên sinh sống tại địa phương.

- Theo biên bản xác minh ngày 21/12/2022, đại diện Ban ấp VH, xã VH Đ, huyện AP cho biết: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1978 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980 chung sống với nhau không hạnh phúc, sống ly thân với nhau đã lâu,

nguyên nhân mâu thuẫn thì không rõ, chỉ biết ông Đ tại địa phương thường xuyên cờ bạc, ăn chơi.

- Theo bản tự khai người làm chứng ngày 20/12/2022, ông Nguyễn Minh N cho biết: Ông N là con ruột của bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ. Kể từ năm 2019 thì bà D và ông Đ đã sống ly thân với nhau, nguyên nhân là do ông Đ có quan hệ tình cảm bên ngoài nên bỏ nhà đi. Từ khi sống ly thân thì tình cảm gia đình không thể hàn gắn. Bà D và ông Đ có 02 con chung: Nguyễn Minh N, sinh ngày 17/4/1997 và Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 13/10/1998. Ông N và bà O đều đã trưởng thành, có gia đình riêng và có công ăn việc làm ổn định. Trong quá trình chung sống thì bà D và ông Đ không có tài sản chung hay nợ chung. Do bận công việc làm ăn nên ông N yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AP:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà Nguyễn Thị Thùy D có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà D và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D. Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động, bà D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết. Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định, ông Đ không phải chịu án phí.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Ông Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 19, ấp VH, xã VH Đ, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà D và ông Đ tự tìm hiểu quen biết nhau, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1996, không có tổ chức lễ cưới nhưng có ra mắt gia đình họ hàng hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH Đ vào năm 2003 (theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 564/NĐ77, quyển số 03 ngày 10/11/2003). Trong quá trình chung sống, bà D và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn do ông Đ có quan hệ tình cảm bên ngoài, bà D cố gắng khuyên can và gia đình vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Đến năm 2019 thì ông Đ tiếp tục có quan hệ tình cảm bên ngoài, nhiều lần bỏ nhà đi theo người phụ nữ khác. Từ đó, bà D và ông Đ sống ly thân nhau, không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông Đ chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông Đ có 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Minh N, sinh ngày 17/4/1997 và Nguyễn Ngọc O, sinh ngày 13/10/1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông Đ có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Đ và bà D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007943 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Nguyễn Văn Đ. Bà D và ông Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Giấy chứng nhận kết hôn số 564/NĐ77, quyển số 03 ngày 10/11/2003 của Ủy ban nhân dân xã VH Đ, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thùy D không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện AP;
- THADS huyện AP;
- UBND xã VH Đ, huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tuân